

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HSST
Ngày: 06-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thành Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.
2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tỉnh L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/HSST-QĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1971 tại tỉnh B; Nơi cư trú: ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 0/12 (không biết chữ); con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N (đã chết); bản thân có chồng tên chồng Đỗ Văn C nhưng đã ly hôn; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2017, bắt tạm giam ngày 21/10/2017 cho đến nay, có mặt.

Người bị hại: Trần Tấn Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt)

ĐKTT: khu phố A, đường N, Phường B, Thành phố T tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: ấp 4, xã N, huyện B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 17/10/2017, anh Trần Tấn Đ điều khiển xe mô tô trên đường đi làm từ Thành phố T đến Thành phố H, khi đến khu vực ấp 4, xã N, huyện B thì trời mưa nên Đ ghé vào quán nước giải khát không tên cặp bên phải QL1A thuộc xã N do Nguyễn Thị T làm chủ để tránh mưa. Anh Đ đậu xe

trước cửa quán rồi cầm túi xách bằng vải vào bên trong quán ngồi lên võng, trong quán rất vắng khách, T đem nước ra cho anh Đ. Lúc này, Nguyễn Thị T em ruột của T đi lại nói chuyện với Đ, trong lúc nói chuyện với T thì anh Đ lấy trong túi quần ra 02 điện thoại di động và 4.000.000đ tiền mặt loại giấy mệnh giá 500.000đ để kiểm tra có bị ướt không do anh Đ bị mắc mưa, kiểm tra xong anh Đ bỏ 4.000.000đ và 02 điện thoại di động vào túi xách vải rồi tiếp tục ngồi võng nói chuyện với T. Trong lúc nói chuyện, Đ và T thỏa thuận vào phòng để thực hiện việc kích dục với giá 150.000đ, sau khi thỏa thuận xong, anh Đ dẫn xe vào trong quán đậu và lấy túi xách vải trong đó có tiền và 02 điện thoại để trên бага xe của mình rồi cùng T vào phòng bên trong quán, đóng cửa lại để thực hiện kích dục, còn T ở bên ngoài đi đóng cửa quán lại. T lợi dụng lúc quán không có người đã lén lút dùng tay mở túi xách vải của anh Đ để ở бага xe lấy 2.000.000đ gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000đ rồi đem giấu dưới thùng nước trong quán rồi T đi ra mở cửa quán. Cùng lúc này, Lực lượng Công an vào kiểm tra hành chính phát hiện T đang kích dục cho anh Đ. Anh Đ ra ngoài và kiểm tra túi xách vải của mình thì phát hiện mất 2.000.000đ gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000đ nên đã trình báo Công an. Qua điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của mình.

Trong quá trình điều tra có tạm giữ: 2.000.000đ gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Tấn Đ.

Tại Cáo trạng số 85/QĐ-KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản thu giữ đã trả lại cho bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Tấn Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Đối với Nguyễn Thị T không biết việc Nguyễn Thị T thực hiện việc trộm tiền của anh Trần Tấn Đ, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp

Đối với hành vi Nguyễn Thị T cho em ruột là Nguyễn Thị T sử dụng nơi kinh doanh để thực hiện việc hành vi kích dục cho khách thì Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã có công văn số 376/CV-VKS ngày 06/12/2017 yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T về hành vi trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thị T là người có công việc ổn định, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài do đó khoảng 14 giờ 50 phút ngày 17/10/2017 khi anh Trần Tấn Đ điều khiển xe mô tô đến quán nước giải khát không tên ở ấp 4, xã N, huyện B do Nguyễn Thị T làm chủ để uống nước thì Nguyễn Thị T em ruột của T có thỏa thuận với Đ vào phòng kích dục với giá 150.000đ, anh Đ đồng ý và lấy túi xách vải trong đó có 4.000.000đ và 02 điện thoại di động để trên бага xe của anh Đ dựng trong quán rồi cùng T vào phòng bên trong quán kích dục. T ở bên ngoài đi đóng cửa quán lại và lén lút mở túi xách vải của anh Đ lấy trộm 2.000.000đ đem giấu ở dưới thùng nước trong quán, khi lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính đã phát hiện hành vi phạm tội của Thu. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định Cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Động cơ phạm tội của bị cáo là tham lam, chỉ muốn hưởng thụ mà không phải lao động vất vả, bị cáo có công việc ổn định tạo thu nhập cho bản thân, lẽ ra bị cáo cần cố gắng lao động để tạo thu nhập ổn định và lo cho gia đình nhưng bị

cáo lại đi tìm sự sơ hở của người khác để lấy trộm tài sản. Điều đó cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong khi đó tình hình trộm cắp hiện nay đang là vấn nạn tại địa phương trên địa bàn huyện Bến Lức. Vì vậy thấy rằng cần phải có một hình phạt đủ nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; tài sản thu giữ đã trả lại cho bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự thì có đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với Nguyễn Thị T không biết việc Nguyễn Thị T thực hiện việc trộm tiền của anh Trần Tấn Đ, bị cáo Thu thừa nhận việc lấy trộm tiền của anh Đ là do T tự một mình thực hiện, không có bàn bạc cũng không cho T biết nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10] Đối với hành vi Nguyễn Thị T cho em ruột là Nguyễn Thị T sử dụng nơi kinh doanh để thực hiện việc hành vi kích dục cho khách thì Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã có công văn số 376/CV-VKS ngày 06/12/2017 yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T về hành vi trên theo quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Tấn Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án là ngày 06-12-2017.

2. Giao bị cáo Nguyễn Thị T về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh B theo dõi việc bị cáo chấp hành hình phạt án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo).

2. Áp dụng Điều 199 và Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa.

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- Sở tư pháp tỉnh L;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thành Đồng